**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA VIỆT NAM HỌC&TIẾNG VIỆT**

**BỘ MÔN VIỆT NGỮ HỌC**

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT**

(Phonetics of Vietnamese Language)

**1. Thông tin về giảng viên:**

Họ và tên: **Nguyễn Văn Phúc**

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, PGS.TS.

Thời gian làm việc: Thứ 3 và thứ 5 hàng tuần,

Địa điểm làm việc: Khoa Việt Nam học & Tiếng Việt, Trường Đại học KHXH&NV, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng,

Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học & Tiếng Việt, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-38694323

Email: [phucktv@yahoo.com](mailto:phucktv@yahoo.com)

Điện thoại DĐ: 01266292357

Các hướng nghiên cứu chính:

• Ngữ âm tiếng Việt và Lịch sử ngữ âm tiếng Việt

• Ngôn ngữ học dạy tiếng và Tiếng Việt thực hành

**2. Thông tin về môn học:**

• Tên môn học: **Ngữ âm tiếng Việt**

• Mã môn học: VLC3044

• Số tín chỉ: 03

• Loại môn học: bắt buộc

• Môn học tiên quyết: LIN2033: Dẫn luận ngôn ngữ học

• Môn học kế tiếp: LIN2035: Từ vựng tiếng Việt

• Số giờ tín chỉ: 45

• Các yêu cầu đối với môn học (nếu có):

• Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30

+ Làm bài tập trên lớp: 10

+ Thảo luận: 05

+ Thực hành, thực tập: 0

+ Hoạt động theo nhóm:

+ Tự học:

• Địa chỉ khoa phụ trách môn học: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học**

**3.1. Mục tiêu chung:**

Sau khi học xong môn học này, sinh viên sẽ hiểu rõ được cơ cấu ngữ âm của các ngôn ngữ nói chung và của cơ cấu ngữ âm của tiếng Việt nói riêng: từ bộ máy cấu âm, quá trình cấu âm, từ những đơn vị ngữ âm thuộc cấp độ dưới âm tiết, như: âm tố (sound) âm vị, nguyên âm, phụ âm, vần, thanh điệu cho đến những đơn vị ngữ âm trên âm tiết, như: trọng âm trong từ song tiết, nhóm tiết nhịp (hay nhóm thở), cấu trúc nhịp điệu lời nói tiếng Việt…v.v. Nói cách khác là môn học sẽ cung cấp một cách đầy đủ những tri thức liên quan đến ngữ âm học tiếng Việt cho người học.

**3.2. Chuẩn đầu ra của môn học (Mục tiêu cụ thể):**

**a. Về kiến thức:**

- Nắm được một cách cơ bản nhất những đặc trưng về âm học - cấu âm của các đơn vị ngữ âm. Cụ thể, người học phải hiểu được tên gọi của các cơ quan cấu âm và cơ chế hoạt động của chúng trong quá trình cấu tạo mặt âm thanh ngôn ngữ; các cơ quan phân tích thính giác và cơ chế hoạt động của chúng và quá trình cấu tạo âm thanh cũng như vai trò, chức năng của các khí quan cấu âm

- Hiểu một cách chính xác và rõ ràng các khái niệm và các kiểu cấu âm cũng như sự phân loại các đơn vị ngữ âm. Trong đó, chủ yếu gồm: hệ thống các âm vị nguyên âm tiếng Việt; hệ thống các âm vị phụ âm tiếng Việt; và *sự thể hiện về mặt chữ viết* của các nguyên âm và phụ âm tiếng Việt.

- Hiểu và xác định được một cách rõ ràng đặc điểm cấu trúc âm tiết và các thành phần cấu trúc âm tiết tiếng Việt. Gồm: đặc điểm của âm tiết tiếng Việt; cấu trúc âm tiết tiếng Việt; và các thành phần âm tiết tiếng Việt, như *âm đầu – vần – thanh điệu*.

- Hiểu và nắm vững đặc điểm cũng như sự biến đổi của các đơn vị ngữ âm tiếng Việt trong ngữ lưu. Chủ yếu gồm: sự biến đổi của *thanh điệu* tiếng Việt; khái niệm trọng âm và đặc trưng của *trọng âm* tiếng Việt; ngữ điệu tiếng Việt.

**b. Về kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng nhận diện và kỹ năng xác lập những tiêu chí miêu tả ngữ âm trong các ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.

- Có kĩ năng vận dụng các kiến thức về miêu tả ngữ âm trong tiếng Việt để phân tích, xác lập danh sách những đơn vị âm vị trong một vài ngôn ngữ cụ thể khi có điều kiện tiếp xúc nghiên cứu.

- Có kĩ năng vận dụng sự hiểu biết về ngữ âm trong ngôn ngữ vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập và xử lý những vấn đề ngữ âm tiếng Việt dưới góc độ thực tiễn.

**c. Về thái độ:**

- Góp phần củng cố cho sinh viên về vai trò, chức năng của bình diện âm thanh ngôn ngữ, mặt chất liệu hay ngữ liệu của một kí hiệu ngôn ngữ nói chung và ngữ âm tiếng Việt nói riêng.

- Góp phần đào tạo sinh viên hiểu và ứng dụng được những vấn đề thuộc ngữ âm tiếng Việt lí thuyết, từ đó xây dựng ý thức tự điều chỉnh và tự hoàn thiện từng bước năng lực phát âm tiếng Việt dưới góc độ thực hành.

- Góp phần hình thành ý thức đánh giá, nhận thức vai trò quan trọng của ngữ âm trong đối sánh với các bình diện khác của tiếng Việt, như từ vựng hay ngữ pháp, xác lập kế hoạch nghiên cứu, tìm hiểu trong tương lai.

**3.3. Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của môn học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **Nội dung** | **BẬC 1 (A)** | **BẬC 2 (B)** | **BẬC 3 (C)** |
| **Nội**  **dung**  **1**  Giới thiệu  tổng quan  về  môn học | I.A.1. Khái quát nội dung chính và yêu cầu cơ bản của môn học.  I.A.2. Giới thiệu tư liệu tham khảo (tiếng Anh & tiếng Việt.  I.A.3. Nhắc lại và giải thích một số khái niệm liên quan đến môn học | I.B.1. Vai trò, vị trí và những đặc điểm cơ bản của Ngữ âm tiếng Việt. |  |
| **Nội**  **dung**  **2**  Chương  I | II.A.1. Nhớ được đặc trưng của ngữ âm và các cơ quan thuộc bộ máy cấu âm con người.  II.A.2. Nhớ được các tiêu chí phân loại các đơn vị ngữ âm : hệ thống các âm vị nguyên âm và phụ âm tiếng Việt  II.A.3. Ghi nhớ các kí hiệu trong bảng phiên âm quốc tế IPA | II.B.1. Nắm chắc bộ máy cấu âm con người cùng các cơ quan cấu thành.  II.B.2. Hiểu được quá trình cấu âm và hoạt động của các cơ quan cấu âm.  II.B.3. Hiểu được đặc trưng ngữ âm - âm học và sinh lí học.  II.B.4. Nắm được cơ cấu hoạt động của cơ quan thính giác. | II.C.1. Đánh giá vai trò của Lưỡi trong quá trình cấu âm.  II.C.2. Phân biệt nguyên âm và phụ âm về đặc trưng cấu âm.  II.C.3. Phân tích hoạt động của dây thanh trong quá trình cấu âm.  II.C.4. Vai trò của **tai** trong quá trình tiếp nhận âm thanh |
| **Nội**  **dung**  **3**  Chương  II | III.A.1. Nhớ được khái niệm âm tiết và đặc điểm của âm tiết tiếng Việt  III.A.2. Nhận biết được cấu trúc và các thành phần của ÂT tiếng Việt. | III.B.1. Nắm chắc cấu trúc âm tiết phổ quát của các ngôn ngữ trên thế giới.  III.B.2. Hiểu được vai trò, chức năng của âm tiết tiếng Việt (trong đối sánh với hình vị, từ đơn)  III.B.3. Nắm vững cấu trúc 2 bậc của âm tiết tiếng Việt và các thành phần cấu thành âm tiết | III.C.1. Phân biệt khái niệm **hình vị** và **hình tiết** trong tiếng Việt  III.C.2. Những cơ sở ngữ âm hình thành cấu trúc âm tiết 1 bậc và 2 bậc trong tiếng Việt. |
| **Nội**  **dung**  **4**  Chương  II  (tiếp) | IV.A.1. Nhận biết được hệ thống các thanh điệu tiếng Việt (đặc trưng và sự thể hiện bằng dấu thanh)  IV.A.2. Nhớ và chỉ ra được hệ thống các âm đầu tiếng Việt (đặc trưng và sự thể hiện bằng chữ viết) | IV.B.1. Hiểu rõ các tiêu chí khu biệt của hệ thống thanh điệu tiếng Việt.  IV.B.2. Hiểu rõ các tiêu chí khu biệt hệ thống phụ âm đầu tiếng Việt. | IV.C.1. Đánh giá vai trò của thanh điệu tiếng Việt.  IV.C.2. Phân biệt thanh điệu Việt và trọng âm trong tiếng mẹ đẻ.  IV.C.3. Phân tích chức năng của các phụ âm đầu tiếng Việt |
| **Nội**  **dung**  **5**  Chương  II  (tiếp) | V.A.1. Nhận ra được vần và các thành phần cấu tạo vần tiếng Việt (đặc trưng và cơ sở xác định)  V.A.2. Xác định được các thành phần cấu tạo của vần tiếng Việt (đặc trưng của âm đệm, âm chính, âm cuối, và sự thể hiện bằng chữ viết) | V.B.1. Nắm chắc các tiêu chí khu biệt hệ thống các âm chính tiếng Việt.  V.B.2. Hiểu rõ các tiêu chí khu biệt hệ thống các âm cuối tiếng Việt.  V.B.3. Hiểu được đặc trưng cơ bản của thành phần âm đệm. | V.C.1. Phân tích giá trị của hiệp vần trong lời nói tiếng Việt.  V.C.2. Giá trị của sự thể hiện đầy đủ âm cuối trong tiếng Việt. |
| **Nội**  **dung**  **6**  Chương  III | VI.A.1. Chỉ ra được các đơn vị ngữ âm tiếng Việt trong ngữ lưu: trọng âm, nhịp và cấu trúc nhip điệu Việt  VI.A.2. Thấy được sự khác biệt của trọng âm và thanh điệu.  VI.A.3. Nhận ra sự biến đổi của thanh điệu tiếng Việt trong ngữ lưu. | VI.B.1. Hiểu được ranh giới và tiêu chí phân chia nhịp trong lời nói tiếng Việt.  VI.B.2. Phân biệt được đặc trưng của TĐ và TÂ tiếng Việt.  VI.B.3. Nắm được các kiểu biến đổi của thanh điệu Việt trong ngữ lưu. | VI.C.1. Phân tích đặc trưng của trọng âm tiếng Việt và trọng âm trong tiếng mẹ đẻ.  VI.C.2. Giá trị của phân chia nhịp trong ngữ lưu.  VI.C.3. Phân tích sự biến đổi của TĐTV trong ngữ lưu (lấy ví dụ minh họa). |
| **Nội**  **dung**  **7**  Chương  III  (tiếp) | VII.A.1. Nhận biết được đặc trưng của trọng âm tiếng Việt.  VII.A.2. Biết được cơ cấu và hoạt động của nhịp lời nói tiếng Việt.  VII.A.3. Biết cách chia nhịp và nhận ra được các thành phần cấu thành nhịp điệu lời nói tiếng Việt. | VII.B.1. Nắm được sự thể hiện của trọng âm tiếng Việt trong tổ hợp từ song tiết, cụm từ và khái niệm trọng âm nhịp điệu.  VII.B.2. Nắm chắc cấu trúc nhịp tiếng Việt và các thành phần cấu tạo của nó. | VII.C.1. Đối chiếu và so sánh trọng âm tiếng Việt và trọng âm trong tiếng mẹ đẻ  VII.C.2. Đánh giá vai trò, ý nghĩa của việc thể hiện chính xác nhịp lời nói tiếng Việt. |
| **Nội**  **dung**  **8**  Chương  IV | VIII.A.1. Nhớ được tiến trình phát triển lịch sử của chữ viết và chính tả tiếng Việt.  VIII.A.2. Nhớ được một số kiểu chữ viết và đặc điểm của hệ thống chữ viết và chính tả tiếng Việt hiện nay. | VIII.B.1. Hiểu được những đóng góp của chữ Quốc ngữ trong tiến trình phát triển chữ viết tiếng Việt.  VIII.B.2. Thấy được những điểm mạnh và yếu của chữ viết và chính tả tiếng Việt hiện nay. | VIII.C.1. Giá trị của chữ Quốc ngữ trong việc thể hiện ngữ âm tiếng Việt.  VIII.C.2. Phân tích những bất cập của hệ thống chữ viết tiếng Việt hiện nay. |
| **Nội**  **dung**  **9**  Bài tập thực hành và ôn tập | IX.A.1. Biết cách phiên âm phiên âm tiếng Việt theo IPA  IX.A.2. Hướng dẫn ôn tập hết môn | IX.B.1. Nắm được những đóng góp của hệ thống các kí hiệu IPA trong quá trình ghi âm hệ thống âm thanh Việt.  IX.B.2. Ôn tập những nội dung đã học | IX.C.1. Đánh giá tính ưu việt của hệ thống phiên âm IPA. |

**4. Tóm tắt nội dung môn học:**

Môn học Ngữ âm tiếng Việt cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: a) các cơ quan cấu âm, cơ quan thính giác của con người, gồm: các khí quan hô hấp, thanh hầu, các khoang cộng hưởng trên thanh hầu, các cơ quan tiếp nhận âm thanh (thính giác) cũng như toàn bộ cơ chế hoạt động của các cơ quan này trong quá trình cấu tạo âm thanh ngôn ngữ; b) cơ sở hình thành đặc trưng của các đơn vị ngữ âm: cơ sở sinh lí học và cơ sở âm học (hay vật lí học); c) những đặc trưng trong quá trình cấu tạo các âm vị nguyên âm và phụ âm, hai tập hợp âm lớn nhất trong hệ thống ngữ âm của bất kì ngôn ngữ nào trên thế giới và sự khác nhau giữa chúng; d) đặc điểm, vai trò của âm tiết của tiếng Việt trong sự đối sánh với đặc điểm, vai trò của nó trong các ngôn ngữ khác; đăc biệt là giúp sinh viên hiểu được những cơ sở về sự biến đổi của hệ thống thanh điệu Việt trong ngữ lưu, cách khắc phục chúng dưới góc độ thực hành; và e) những nội dung ngữ âm liên quan đến lời nói tiếng Việt, cụ thể: nhịp điệu các thành phần cấu thành nhịp điệu; trọng âm và đặc trưng của trọng âm tiếng Việt. Ngoài ra, môn học còn hướng dẫn sinh viên biết cách sử dụng hệ thống kí hiệu quốc tế IPA trong việc quốc tế hóa (phiên âm) hệ thống âm thanh tiếng Việt. Môn học cũng giới thiệu về vai trò, chức năng của chữ quốc ngữ trong tiến trình phát triển tiếng Việt và một vài bất cập trong hệ thống chữ viết tiếng Việt hiện nay.

**5. Nội dung chi tiết của môn học:**

**5.1. Nội dung 1: Vị trí, vai trò và những đặc điểm cơ bản**

**của Ngữ âm tiếng Việt.**

5.1.1. Vai trò, vị trí của ngữ âm trong cơ cấu ngôn ngữ.

5.1.2. Một vài đặc điểm cơ bản của ngữ âm tiếng Việt.

**5.2. Nội dung 2: Đặc trưng của Ngữ âm và**

**phân loại các đơn vị Ngữ âm**

5.2.1. Bộ máy cấu âm của con người.

5.2.2. Quá trình cấu âm và vai trò của các cơ quan trong quá trình cấu âm.

5.2.3. Các đặc trưng ngữ âm và phân loại các đơn vị ngữ âm: âm vị nguyên âm và phụ âm.

**5.3. Nội dung 3: Âm tiết và cấu trúc âm tiết tiếng Việt**

5.3.1. Đặc điểm, vai trò của âm tiết

5.3.2. Đặc điểm, vai trò của âm tiết tiếng Việt

5.3.3. Cấu trúc 2 bậc và các thành phần của âm tiết tiếng Việt

**5.4. Nội dung 4: Thanh điệu và hệ thống Âm đầu tiếng Việt**

5.4.1. Các tiêu chi khu biệt thanh điệu tiếng Việt.

5.4.2. Các tiêu chi khu biệt hệ thống phụ âm đầu tiếng Việt

5.4.3. Sự thể hiện của thanh điệu và phụ âm đầu tiếng Việt bằng chữ viết.

**5.5. Nội dung 5: Vần và cấu trúc Vần tiếng Việt**

5.5.1. Nét đặc trưng ngữ âm của âm đệm tiếng Việt.

5.5.2. Các tiêu chí khu biệt hệ thống âm chính tiếng Việt.

5.5.3. Các tiêu chí khu biệt hệ thống âm cuối tiếng Việt.

5.4. Sự thể hiện của các thành phần thuộc Vần tiếng Việt về mặt chữ viết.

**5.6. Nội dung 6: Các đơn vị ngữ âm tiếng Việt trong ngữ lưu**

5.6.1. Sự biến đổi của thanh điệu tiếng Việt

5.6.2. Trọng âm và đặc trưng của trọng âm tiếng Việt

5.6.3. Một số kiểu trọng âm trong tiếng Việt

**5.7. Nội dung 7: Nhịp điệu và cấu trúc nhịp lời nói tiếng Việt**

5.7.1. Nhịp điệu và ngữ điệu tiếng Việt

5.7.2. Vai trò, chức năng của nhịp lời nói tiếng Việt

5.7.3. Cấu trúc nhịp điệu tiếng Việt: ranh giới nhịp, trọng âm nhịp, chỗ ngừng.

**5.8. Nội dung 8: Chữ viết (văn tự) tiếng Việt**

5.8.1. Khái quát về các hệ thống chữ viết tiếng Việt

5.8.2. Vai trò của chữ quốc ngữ trong sự phát triển của chữ viết tiếng Việt

5.8.3. Đặc điểm của chữ viết tiếng Việt hiện nay.

**5.9. Nội dung 9: Hệ thống kí hiệu phiên âm quốc tế IPA**

5.9.1. 1. Thực hành phiên âm ngữ âm tiếng Việt theo kí hiệu IPA

5.9.2. Ôn tập, thảo luận, giải đáp theo từng nội dung liên quan.

**6. Học liệu:**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

1. Đề cương môn học Ngữ âm tiếng Việt do Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành.

2. Nguyễn Văn Phúc (2006), **Ngữ âm tiếng Việt thực hành,**Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội 2006, 259 trang.

**6.2. Học liệu tham khảo:**

3. Đoàn Thiện Thuật (1977), Ngữ âm tiếng Việt, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội 1977, 352 trang.

4. Trần Trí Dõi (1998), Khái quát về ngữ âm tiếng Việt(Trong “Cơ sở tiếngViệt”, Nxb Giáo dục, Hà Nội 1998, trang 31 - 61).

5. Trần Trí Dõi (2007), Giáo trình lịch sử tiếng Việt (Sơ thảo), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Hoàng Thị Châu, (2004), Phương ngữ học tiếng Việt, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Nguyễn Thiện Giáp, (2008), Giáo trình Ngôn ngữ học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Đinh Lê Thư, Nguyễn Văn Huệ, Cơ cấu ngữ âm tiếng Việt, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1998.

● Các học liệu trên (cả bắt buộc lẫn tham khảo) đều có trong Thư viện và Phòng tư liệu của Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt hoặc trong phòng Tư liệu Khoa Ngôn ngữ học và Trung tâm Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội.

**7. Hình thức tổ chức dạy học:**

**7.1. Lịch trình chung:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Hình thức, tổ chức dạy học** | | | | | **Tổng**  **số giờ** |
| **Nội dung**  (15 tuần) | Lên lớp | | | Thực tập, thực tế | Tự học, nghiên cứu |  |
| Lí thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Tuần 1: Nội dung 1 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 2: Nội dung 2 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 3: Nội dung 2 | 2 | 1 | 1 |  |  |  |
| Tuần 4: Nội dung 3 | 2 | 1 | 1 |  |  |  |
| Tuần 5: Nội dung 4 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 6: Nội dung 4 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 7: Nội dung 5 | 2 |  | 1 |  |  |  |
| Tuần 8:Kiểm tra giữa kì | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 9: Nội dung 5 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 10: Nội dung 6 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 11: Nội dung 6 | 2 | 1 | 1 |  |  |  |
| Tuần 12: Nội dung 7 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 13: Nội dung 7 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 14: Nội dung 8 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 15: Nội dung 9  **& Ôn tập** | 2 | 2 | 1 |  |  |  |
| **Tổng số giờ tín chỉ** | **30** | **10** | **05** |  |  | **45** |
| **Tổng số giờ trên lớp** | **30** | **10** | **05** |  |  | **45** |

**7.2 . Lịch trình cụ thể**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức,tổ chức dạy học** | **Thời gian, địa điểm** | **Nội dung chính** | **Yêu cầu sinh viên**  **chuẩn bị** | **Ghi chú** |
|  |  | **Tuần 1** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 1** | + Hướng dẫn s/v lớp học tải và ng.cứu trước ĐCMH Ngữ âm TV từ mạng của trường ĐHKHXH&NV.  + Đọc TLBB số 2 (tr.17-80)  + Đọc TLTK số 3 (tr. 24- 41) và số 4 (tr. 31-61) |  |
|  |  | **Tuần 2** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 2 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp  ở nhà,  thư viện | **Nội dung 2** | + Đọc TLBB số 2 (tr. 39-80)  + H.dẫn s/v đọc trước TL ở nhà (tự học): đọc TL số 2 (tr.110-172), tập trung vào ND (5.22)  + Chia nhóm đọc TL ở nhà, cử s/v đại diện nhóm báo cáo tóm tắt ND tại lớp. |  |
|  |  | **Tuần 3** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập thực hành  Thảo luận nhóm  Tự học | 2 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp  ở nhà,  thư viện | **Nội dung 2**  Thảo luận  “xác lập các tiêu chí phân loại NÂ và PÂ”. Cụ thể: về luồng hơi; về tính thanh; về phương thức và vị trí cấu âm, ….v.v. | + Đọc TLTK số 3 (tr.42-60)  + H.dẫn s/viên làm BT thực hành. Cho từng s/v tập cấu âm NÂ và PÂ để tự nhận ra những nét khác biệt trong quá trình cấu âm của 2 tập hợp âm này.  + H.dẫn s/v chuẩn bị ND, câu hỏi cho TL tại lớp. |  |
|  |  | **Tuần 4** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập | 2 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp | **Nội dung 3**  + Hiểu rõ cấu trúc âm tiết hai bậc của tiếng Việt. Kết hợp làm một số bài tập thực hành giúp sinh viên nắm vững đặc trưng này. | + Đọc TLBB số 2 (tr.176-180)  + Đọc TLTK số 3 (tr.18-23); số 4 (tr. 31-61)  + Nhấn mạnh đến khái niệm *hình tiết* trong tiếng Việt.  + H.dẫn s/v làm một số BT xác đinh c.trúc âm tiết của TV và so sánh với c.trúc ÂT trong tiếng mẹ đẻ theo mô hình CVC. |  |
|  |  | **Tuần 5** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập | 2 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp | **Nội dung 4**  Hướng dẫn bài tập thực hành về vai trò của thanh điệu tiếng Việt trong việc khu biệt nghĩa từ và một số kiểu từ láy (láy bộ phận) | + Đọc TLBB số 2 (tr.195-202)  + Đọc TLTK số 3 (tr.96-113) |  |
|  |  | **Tuần 6** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 4**  H.dẫn s/v xác định Vần TV qua hiện tượng[-iếchóa], nói lái, hiệp vần thơ; cơ cấu của từ láy bộ phận (cứ liệu dẫn từ ca dao, tục ngữ; nói lái, truyện dân gian… | + Đọc TLBB số 2 (tr.181-184)  + Đọc TLTK số 3 (tr.144-162) |  |
|  |  | **Tuần 7** |  |  |
| Lý thuyết  Tự học | 2 giờ trên lớp  ở nhà | **Nội dung 5**  Đọc tài liệu ở nhà | + Đọc TLBB số 2 (tr.184- 191); Đọc TLTK số 3 (tr.184-298); số 4 (tr.52-80)  + Phân chia nhóm đọc TL; giao ND cần đọc cho s/v; g.v kiểm tra kết quả tại lớp. |  |
|  |  | **Tuần 8** |  |  |
| **Kiểm tra giữa kì** | 2 giờ trên lớp | + Chọn 1 trong số 5 nội dung làm đề thi giữa kỳ.  + Có thể tổ chức làm bài ngay tại lớp hoặc bài tập nhóm. | + Yêu cầu s/v ôn tập đủ các nội dung để có thể thi giữa kỳ đạt kết quả tốt.  + Ôn tập các ND đã học từ ND1 đến ND 5. |  |
|  |  | **Tuần 9** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập | 2 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp | **Nội dung 5**  Cơ sở hình thành hệ thống 8 TĐ trong tiếng Việt [kết âm mang nét [+ PÂ; + vô thanh] | + Đọc TLBB số 2 (tr.184-191); Đọc TLTK số 3 (tr.217- 226)  + X.định vai trò của âm cuối TV trong chức năng ổn định khuôn âm tiết.  + BT thực hành tập trung vào thanh 7 và thanh 8. |  |
|  |  | **Tuần 10** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập | 2 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp | **Nội dung 6**  - Tổ hợp từ song tiết.  - Giữa các thanh cùng cao độ.  - Trong ngữ đoạn | + Đọc TLBB số 2 (tr.207- 213); Đọc TLTK số 3 (tr.31- 61)  + H. dẫn làm BT thực hành về sự biến đổi của TĐTV trong ngữ lưu: |  |
|  |  | **Tuần 11** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Thảo luận nhóm | 2 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp | **Nội dung 6**  Thảo luận:  Vai trò, chức năng và đặc trưng của trọng âm Việt so sánh với đơn vị trọng âm tương ứng trong tiếng mẹ đẻ. | + Đọc TLBB số 2 (tr.207- 213); Đọc TLTK số 3 (tr.31- 61)  + H.dẫn làm BT thực hành về các kiểu trọng âm trong TV.  + Chuẩn bị ND và câu hỏi cho thảo luận tại lớp. |  |
|  |  | **Tuần 12** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 7**  Xác định vai trò, chức năng của nhịp điệu tiếng Việt | + Đọc TLBB số 2 (tr.214- 222); Đọc TLTK số 4 (tr.52- 80); Đọc TLTK số 8 (tr.131- 148)  + Giúp s/v phân biệt nó với ngữ điệu. |  |
|  |  | **Tuần 13** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập | 2 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp | **Nội dung 7**  - Xác định cấu trúc nhịp tiếng Việt.  - Hướng dẫn bài tập thực hành về phân chia các thành phần cấu thành nhịp tiếng Việt | + Đọc TLBB số 2 (tr. 207- 213); Đọc TLTK số 4 (tr. 52-80)  + Giúp s/v nắm rõ các thành phần cấu thành nhịp: ranh giới nhịp, chỗ ngừng, trọng âm nhịp…v.v.  + Chuẩn bị làm các BTthực hành về phân chia nhịp lời nói TV. |  |
|  |  | **Tuần 14** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 8**  - Xây dựng được sơ đồ tiến trình phát triển khái quát của lịch sử văn tự Việt. | + Đọc TLBB số 3 (tr.279 - 298); Đọc TLTK số 8 (tr.149 -174)  + Tìm những bất cập của hệ thống chính tả tiếng Việt hiện nay. |  |
|  |  | **Tuần 15** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Thảo luận nhóm | 2 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp | **Nội dung 9**  - Hướng dẫn làm bài tập phiên âm các phát ngôn (câu) tiếng Việt ra kí hiệu phiên âm quốc tế (IPA)  - Hướng dẫn ôn lại toàn bộ kiến thức đã học. | + Mạng internet. IPA…  + Chuẩn bị tổ chức thảo luận về các kí hiệu phiên âm quốc tế theo IPA.  - Chuẩn bị làm các BT thực hành phiên âm IPA.  - Ôn tập các ND ở nhà chuẩn bị thi hết môn. |  |

**8. Chính sách đối với môn học:**

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của sinh viên được ghi trong phần yêu cầu khi thực hiện môn học.

- Tham dự lớp học đầy đủ (không nghỉ quá 20 % số giờ).

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm và nộp bài tập đúng hạn.

- Vi phạm các quy định nói trên sẽ bị trừ điểm thành phần.

- Thiếu một điểm thành phần, không có điểm của môn học.

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học:**

**9.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:** trên lớp

**9.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tính chất của nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Dự giờ đầy đủ | Điểm danh |  | **10%** |
| Đánh giá thường xuyên trên lớp | Tích cực học tập (phát biểu, trả lời câu hỏi) | Đánh giá phản xạ trí tuệ | **10%** |
| Hoạt động nhóm | Năng lực tổ chức, hợp tác và trình bày vấn đề | Đánh giá kĩ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm | **10%** |
| Bài kiểm tra giữa kì | Kết hợp lí luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá kĩ năng thực hành, nghiên cứu độc lập và kĩ năng trình bày | **30%** |
| Bài kiểm tra  cuối kì | Kết hợp lí luận và khả năng tổng hợp phân tích | Đánh giá 3 mức:  - **Nhớ** các câu hỏi kiểm tra nội dung (30%)  - **Hiểu** các câu hỏi, yêu cầu giải thích, lấy VD dẫn chứng (50%)  - **Tổng hợp, phân tích** các câu hỏi (20%) | **40%** |

**9.3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá:**

**9.3.1. Loại bài tập cá nhân**: Dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự tìm hiểu của sinh viên về một nội dung cụ thể. Sinh viên cần thực hiện hàng tuần theo yêu cầu của môn học.

• **Các tiêu chí đánh giá loại bài tập này gồm:**

**+ Về nội dung:**

- Nắm được nội dung cơ bản của từng chương

- Thể hiện được kĩ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

- Có sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

**+ Về hình thức:**

- Trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lí và có dẫn xuất xứ không quá dài theo qui định của giáo viên. Ngoài ra, tùy loại vấn đề mà giảng viên có thể có các tiêu chí đánh giá bổ sung.

**9.3.2. Loại bài tập nhóm:** loại bài tập này được các nhóm thực hiện tại nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên. Mỗi nhóm cử 1 sinh viên đại diện cho nhóm trình bày trên lớp (hoặc theo chỉ định của giảng viên). Bài tập nhóm được đánh giá thông qua chất lượng báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm, sự trình bày của đại diện nhóm và các ý kiến tham gia thảo luận.

Tiêu chí đánh giá loại BT nhóm cũng dựa trên cơ sở của các loại BT. Tuy nhiên điểm bài tập nhóm của mỗi sinh viên được tính theo công thức:

Tổng số điểm các bài tập nhóm mà sinh viên tham gia

**Điểm bài tập nhóm** = -------------------------------------------------------------------

Tổng số bài tập mà nhóm phải thực hiện

**9.3.3. Loại bài tập lớn:** gồm giữa kì và cuối kì (hết môn):Sau khi học gần xong chương II (khoảng tuần 8) sinh viên sẽ làm bài tập lớn giữa kì (giảng viên cho chủ đề để sinh viên làm ở nhà, nộp bài sau 2 tuần; hoặc thi trắc nghiệm trên máy)

• Các tiêu chí đánh giá loại bài tập này gồm:

**+ Về nội dung:**

- Tiêu chí 1: Xác định đúng vấn đề cần giải quyết.

- Tiêu chí 2: Các luận cứ và luận chứng chính xác, có sức thuyết phục, biết lập luận và giải quyết vấn đề, thể hiện năng lực tư duy lí luận tốt.

- Tiêu chí 3: Có sử dụng các tài liệu, ph.pháp do g/v hướng dẫn.

**+ Về hình thức:**

- Tiêu chí 4: Bố cục hợp lí, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lí và có dẫn xuất, độ dài từ 3-4 khổ A4.

**• Cụ thể biểu đánh giá điểm như sau:**

**- Điểm 9-10:** Đạt cả 4 tiêu chí

**- Điểm 7-8:**  Đạt 2 tiêu chí đầu; tiêu chí 3 chưa đầy đủ; tiêu chí 4 còn mắc lỗi.

**- Điểm 5-6:** Đạt tiêu chí 1; tiêu chí 2 chưa giải quyết trọn vẹn; tiêu

chí 3&4 còn mắc lỗi nhỏ.

**- Điểm dưới 5:** Không đạt cả 4 tiêu chí.

**9.4. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):**

- Lịch kiểm tra giữa kỳ: tuần 8 của học kỳ

- Lịch kiểm tra cuối kỳ: theo thông báo của Phòng đào tạo

- Lịch thi lại: theo thông báo của Phòng đào tạo

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2013

**Duyệt Chủ nhiệm bộ môn Giảng viên**

*(Thủ trưởng đơn vị đào tạo) (Ký tên) (Ký tên)*